BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ LỚP 12
THEO TỪNG MỨC ĐỘ
CHỦ ĐỀ ĐỊA LÍ TỰ NHIÊN

BÀI 2: VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ

Câu 1(NB)**: Đường bờ biển nước ta có chiều dài**

A. 2360km. B. 2036km. C. 3206km. D. 3260km.

Câu 2(NB)**: Chiều dài đường biên giới trên đất liền giữa nước ta với các nước Trung Quốc, Lào, Campuchia lần lược là:**

A. hơn 1300km, gần 1100km, hơn 2100km.

B. hơn 1400km, gần 2100km, hơn 1100km.

C. hơn 1300km, gần 2100km, hơn 1100km.

D. hơn 1100km, hơn 2100km, gần 1300km.

Câu 3(NB)**: Phần đất kiền của nước ta nằm trong khung của hệ tọa độ địa lí:**

A. từ $8^0$34’B đến $23^0$22’B; từ $102^0$10’Đ đến $109^0$24’Đ.

B. từ $8^0$34’B đến $23^0$23’B; từ $102^0$09’Đ đến $109^0$24’Đ.

C. từ $8^0$34’B đến $23^0$23’B; từ $102^0$08’Đ đến $109^0$24’Đ.

D. từ $8^0$34’B đến $23^0$23’B; từ $102^0$10’Đ đến $109^0$42’Đ.

Câu 4(NB)**: Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp với biển?**

A. 29. B. 30. C. 28. D. 27.

Câu 5(NB)**: Các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa lần lượt thuộc tỉnh/thành phố:**

A. Quảng Nam, Đà Nẵng. B. Đà Nẵng, Khánh Hòa.

C. Khánh Hòa, Quảng Ngãi. D. Đà Nẵng, Quảng Ngãi.

Câu 6(NB)**: Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta được xem như phần lãnh thổ trên đất liền?**

A. Lãnh hải. B. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

C. Nội thủy. D. Thềm lục địa.

Câu 7(NB)**: Vị trí địa lí quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính**

A. nhiệt đới ẩm gió mùa. B. cận nhiệt đới gió mùa.

C. nhiệt đới khô. D. cận nhiệt đới khô.

Câu 8(NB)**: Đại bộ phận lãnh thổ nước ta nằm ở múi giờ thứ mấy?**

A. Thứ 3. B. Thứ 7. C. Thứ 13. D. Thứ 58.

Câu 9(NB)**: Chiều dài đường biên giới trên đất liền giữa nước ta với Trung Quốc là bao nhiêu km?**

A. hơn 1100km. B. hơn 1400km. C. hơn2100km. D. gần 4600km.

Câu 10(NB)**: Trên biển vĩ độ nước ta kéo dài đến bao nhiêu độ vĩ tuyến?**

A. $8^0$34’B. B. $23^0$23’B. C. $8^0$50’B. D. $6^0$50’B.

Câu 11(NB)**: Điểm cực Bắc phần đất liền nước ta nằm ở vĩ độ $23^0$23’B tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, thuộc tỉnh nào sau đây?**

A. Cao Bằng. B. Điện Biên. C. Hà Giang. D. Lạng Sơn.

Câu 12(NB)**: Điểm cực Nam phần đất liền nước ta nằm ở vĩ độ $8^0$34’B tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, thuộc tỉnh nào sau đây?**

A. Bạc Liêu. B. Cà Mau. C. Kiên Giang. D. Sóc Trăng.

Câu 13(NB)**: Điểm cực Tây phần đất liền của nước ta nằm ở kinh độ $102^0$09'Đ tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, thuộc tỉnh nào sau đây?**

A. Điện Biên. B. Lai Châu. C. Hà Giang. D. Lào Cai.

Câu 14(NB)**: Điểm cực Đông phần đất liền của nước ta nằm ở kinh độ $109^0$24'Đ tại xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, thuộc tỉnh nào sau đây?**

A. Bình Định. B. Phú Yên. C. Ninh Thuận. D. Khánh Hòa.

Câu 15(NB)**: Trên đất liền, VN tiếp giáp với những nước nào sau đây?**

A. Trung Quốc, Campuchia, Mianma. B. Trung Quốc, Thái Lan, Lào.

C. Trung Quốc, Lào, Campuchia. D. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan.

Câu 16(NB)**: Đường bờ biển nước ta dài 3260km, chạy dài từ**

A. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Ngọc Hiển (Cà Mau).

B. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Năm Căn (Cà Mau).

C. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang).

D. Móng Cái (Quảng Ninh) đến Châu Đốc (An Giang).

Câu 17(NB)**: Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển được gọi là**

A. vùng nội thủy. B. vùng lãnh hải. C. vùng tiếp giáp lãnh hải. D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 18(NB)**: Vùng lãnh thổ Việt Nam là một khối thống nhất và toàn vẹn bao gồm**

A. vùng đất, vùng biển, vùng núi. B. vùng đất, vùng biển, vùng trời.

C. vùng đất, hải đảo, thềm lục địa. D. vùng đất liền, hải đảo, vùng trời.

Câu 19(NB)**: Vùng biển tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở gọi là**

A. vùng nội thủy. B. vùng lãnh hải. C. vùng thềm lục địa. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 20(NB)**: Vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành một vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở gọi là**

A. vùng lãnh hải. B. vùng thềm lục địa. C. vùng đặc quyền kinh tế. D. vùng tiếp giáp lãnh hải.

Câu 21(NB)**: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 4-5 hãy cho biết, địa danh nào sau đây là điểm cực Bắc của nước ta?**

A. Lũng Cú. B. A Pa Chải.

C. Mũi Ngọc. D. Xóm Mũi.

Câu 22(NB)**: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 4-5, hãy cho biết hai tỉnh nào sau đây ở Đông Nam Bộ tiếp giáp với Campuchia?**

A. Bình Dương, Đồng Nai. B. Bà Rịa – Vũng Tàu, Đồng Nai.

C. Tây Ninh, Bình Phước. D. Bình Phước, Bình Dương.

Câu 23(NB)**: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 4-5 hãy cho biết, trong các tỉnh lị sau đây, tỉnh lị nào tiếp giáp gần với Trung Quốc nhất?**

A. Lai Châu. B. Hà Giang. C. Lào Cai. D. Cao Bằng.

Câu 24(NB)**: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 4-5, các tỉnh nào sau đây ở Đồng Bằng Sông Cửu Long tiếp giáp với Campuchia?**

A. Kiên Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Bạc Liêu.

B. Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang.

C. Cà Mau, Hậu Giang, Vĩnh Long, Sóc Trăng.

D. Vĩnh Long, Đồng Tháp, Trà Vinh, Tiền Giang.

Câu 25(NB)**: Căn cứ vào Atlat địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết việc thông thương giữa Việt Nam và Lào được tiến hành qua 1 số cửa khẩu nào sau đây?**

A. Hữu Nghị, Bờ Y, Lệ Thanh. B. Hoa Lư, Xa Mát, Dinh Bà.

C. Tây Trang, Cầu Treo, Lao Bảo. D. Cha Lo, Xà Xía, Lệ Thanh.

Câu 26(NB)**: Nội thủy là**

A. vùng có chiều rộng 12 hải lí.

B. vùng tiếp liền với lãnh hải và hợp với lãnh hải thành vùng biển rộng 200 hải lí.

C. vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở.

D. vùng nước ở phía ngoài đường cơ sở với chiều rộng 12 hải lí.

Câu 27(NB)**: Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á, nên**

A. có nhiều tài nguyên khoáng sản. B. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

C. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá. D. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

Câu 28(NB)**: Nhờ tiếp giáp biển, nên nước ta có**

A. Nền nhiệt độ cao, nhiều ánh nắng.

B. Nhiều tài nguyên khoáng sản và sinh vật.

C. Thiên nhiên xanh tốt, giàu sức sống.

D. Khí hậu có hai mùa rõ rệt.

Câu 29(NB)**: Thứ tự các bộ phận vùng biển nước ta là**

A. Nội thủy, lãnh hải, đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa

B. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, thềm lục địa, đặc quyền kinh tế

C. Nội thủy, lãnh hải, thềm lục địa, đặc quyền kinh tế, tiếp giáp lãnh hải

D. Nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, đặc quyền kinh tế, thềm lục địa

Câu 30(NB)**: Vùng trời là vùng có đặc điểm?**

A. Vùng có độ cao không giới hạn trên đất liền.

B. Vùng không gian bao trùm lên lãnh thổ không giới hạn độ cao.

D. Vùng không gian bao trùm lên lãnh thổ có giới hạn độ cao

D. Vùng độ cao không giới hạn trên các đảo

Câu 31(NB)**: Đường cơ sở của nước ta được xác định là đường**

A. nằm cách bờ biển 12 hải lí.

B. nối các điểm có độ sâu 200 m.

C. nối các mũi đất xa nhất với các đảo ven bờ.

D. tính từ mức nước thủy triều cao nhất đến các đảo ven bờ.

Câu 32(NB)**: Vùng biển mà nước ta có quyền thực hiện các biện pháp an ninh quốc phòng, kiểm soát thuế quan, các quy định về y tế, môi trường nhập cư,..là vùng:**

A. Lãnh hải B. Tiếp giáp lãnh hải

C. Vùng đặc quyền về kinh tế D. Thềm lục địa.

Câu 33 (TH): Đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được quy định bởi

A. địa hình. B. địa chất.

C. vị trí địa lí và gió mùa. D. thảm thực vật.

Câu 34 (TH): Nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới nửa cầu Bắc nên

A. có mùa đông lạnh. B. có nền nhiệt độ cao.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. D. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

Câu 35 (TH): Việt Nam có mối quan hệ qua lại thuận lợi với các nước là nhờ

A. tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa. B. gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.

C. tài nguyên thiên nhiên phong phú. D. lịch sử dựng nước, giữ nước lâu dài.

Câu 36(TH): Đối với vùng đặc quyền kinh tế, Việt Nam cho phép các nước

A. được thiết lập các công trình và các đảo nhân tạo.

B. được tổ chức khảo sát, thăm dò các nguồn tài nguyên.

C. được tự do hàng hải, hàng không, đặt ống dẫn dầu và cáp quang biển.

D. được quản lí các nguồn tài nguyên thiên ở vùng thềm lục địa

Câu 37(TH): Nước ta có nguồn tài nguyên sinh vật phong phú nhờ

A. lãnh thổ kéo dài từ 8º34'B đến 23º23'B nên thiên nhiên có sự phân hoá đa dạng.

B. nằm hoàn toàn trong miền nhiệt đới Bắc bán cầu thuộc khu vực châu Á gió mùA.

C. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và hải dương trên vành đai sinh khoáng của thế giới.

D. nằm ở vị trí tiếp giáp giữa lục địa và đại dương trên đường di lưu của các loài sinh vật.

Câu 38(TH): Tự nhiên nước ta phân hóa đa dạng thành các vùng khác nhau giữa miền Bắc và miền Nam, giữa miền núi và đồng bằng, ven biển, hải đảo là do

A. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn và địa hình phân bậc rõ nét.

B. Vị trí nằm trong vùng nhiệt đới ở nửa cầu Bắc.

C. Lãnh thổ kéo dài theo chiều kinh tuyến.

D. Vị trí địa lí và hình thể nước ta.

Câu 39 (VD): Vì sao thiên nhiên nước ta khác hẳn các nước cùng vĩ độ ở Tây Nam Á và Bắc Phi?

A. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

B. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

C. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của gió mùa và của biển.

D. Chịu ảnh hưởng của gió Tây khô nóng.

Câu 55 (VD): Hạn chế nào *không phải* do hình dạng dài và hẹp của lãnh thổ Việt Nam mang lại

A. Khoáng sản nước ta đa dạng, nhưng trữ lượng không lớn

B. Giao thông Bắc- Nam trắc trở

D. Việc bảo vệ an ninh và chủ quyền lãnh thổ khó khăn

D. Khí hậu phân hoá phức tạp

BÀI 6-7: ĐẤT NƯỚC NHIỀU ĐỒI NÚI

Câu 1 (NB):Phương án nào sau đây *không phải* là đặc điểm chung của địa hình nước ta?

A. Địa hình chủ yếu là đồi núi cao. B. Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng.

C. Địa hình vùng nhiệt đới ẩm gió mùa. D. Địa hình chịu sự tác động mạnh mẽ của con người.

Câu 2 (NB): Đồi núi nước ta chiếm tới

A. 3/5 diện tích lãnh thổ. B. 3/4 diện tích lãnh thổ.

C. 1/4 diện tích lãnh thổ. D. 2/3 diện tích lãnh thổ.

Câu 3 (NB): Địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta chiếm

A. 0.1% diện tích lãnh thổ. B. 1% diện tích lãnh thổ.

C. 10% diện tích lãnh thổ. D. 2% diện tích lãnh thổ.

Câu 5 (NB): Địa hình Đồng bằng sông Cửu Long có đặc điểm là

A. cao ở rìa phía tây và tây bắc thấp dần ra biển, có các khu ruộng cao bạc màu.

B. trên bề mặt đồng bằng không có đê, có mạng lưới sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

C. đồng bằng được khai thác từ lâu đời nên địa hình bề mặt đã bị biến đổi nhiều.

D. Địa hình chia là 3 dải: cồn cát, đầm phá, giữa là vùng thấp trũng, dải trong cùng được bồi tụ thành đồng bằng.

Câu 6 (NB): Địa hình đồng bằng sông Hồng có đặc điểm là

A. hàng năm được hệ thống sông Hồng bồi đắp phù sa màu mỡ.

B. địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, bề mặt bị chia cắt thành nhiều ô.

C. địa hình thấp và bằng phẳng, mạng lưới sông ngòi dày đặc, chằng chịt.

D. đồng bằng có các vùng trũng lớn, nhiều nơi chưa được bồi lắp xong.

Câu 7 (NB): Thấp và hẹp ngang, nâng cao ở 2 đầu là đặc điểm địa hình vùng núi

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 8 (NB): Vùng núi nào sau đây có địa hình cao nhất nước ta?

A. Tây Bắc. B. Đông Bắc. C. Trường Sơn Bắc. D. Trường Sơn Nam.

Câu 9 (NB): Nét nổi bật của vùng núi Đông Bắc là

A. có địa hình cao nhất nước ta. B. địa hình núi thấp chiếm phần lớn diện tích.

C. có 3 mạch núi lớn hướng tây bắc – đông nam. D. gồm các dãy núi liền kề với các cao nguyên.

Câu 10 (NB): Địa hình vùng núi Tây Bắc *không bao gồm* các đặc điểm nào sau đây?

A. Phía đông là dãy núi cao và đồ sộ Hoàng Liên Sơn.

B. Địa hình thấp với nhiều dãy núi hướng vòng cung.

C. Phía tây là địa hình núi trung bình chạy dọc biên giới Việt – Lào.

D. Ở giữa thấp hơn, có các dãy núi, các sơn nguyên và cao nguyên.

Câu 11 (NB): Địa hình vùng núi Trường Sơn Nam bao gồm

A. các đồng bằng và đồi trung du. B. các cao nguyên và đồi trung du.

C. các khối núi và cao nguyên. D. các cao nguyên và đồng bằng.

Câu 12 (NB): Ở nước ta, địa hình bán bình nguyên thể hiện rõ ở

A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Trung Du và Miền Núi Bắc Bộ.

Câu 13 (NB): Rìa phía bắc và tây bắc Đồng bằng sông Hồng chủ yếu là dạng địa hình

A. đồi trung du. B. cao nguyên. C. đồng bằng. D. bán bình nguyên.

Câu 14 (NB): Ở miền núi nước ta thường có các loại thiên tai nào sau đây?

A. Lũ nguồn, lũ quét, xói mòn, trượt ở đất. B. Xói mòn, bão, ngập lụt, xâm nhập mặn.

C. Ngập lụt, cát chảy, cát bay, khô hạn. D. Trượt lở đất, xâm nhập mặn, ngập lụt.

Câu 15(NB): Đặc điểm nào *khôngđúng* với địa hình Việt Nam

A. Đồi núi chiếm ¾ diện tích, phần lớn là núi cao trên 2000m

B. Đồi núi chiếm ¾ diện tích, có sự phân bậc rõ rệt

C. Cao ở Tây Bắc thấp dần về Đông Nam

D. Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người

Câu 16(NB): Đồng bằng châu thổ nào có diện tích lớn nhất nước ta?

A. Đồng bằng sông Hồng. B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Đồng bằng sông Mã. D. Đồng bằng sông Cả.

Câu 17(NB): Đặc điểm nào đúng với vùng núi Trường Sơn Nam?

A. Cao nhất nước ta B. Có nhiều cao nguyên xếp tầng

C. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích B. Hướng Tây Bắc-Đông Nam

Câu 18(NB): Vùng núi Tây Bắc nằm giữa hai hệ thống sông lớn là

A. Sông Hồng và sông Mã B. Sông Cả và sông Mã

C. Sông Đà và sông Lô D. Sông Hồng và sông Cả

Câu 19(NB): Vùng núi Trường Sơn Bắc được giới hạn từ

A. Sông Mã tới dãy Hoành Sơn B. Nam sông Cả tới dãy Hoành Sơn

C. Sông Hồng tới dãy Bạch Mã D. Nam sông Cả tới dãy Bạch Mã